

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bút
2. Bà Ma Thị Thu Loan

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2022/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1988.

- *Bị đơn:* Anh Ma Duy T, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: Thôn Đồng C, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị Trần Thị H và anh Ma Duy T đều có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T sử dụng ma túy, anh T từng bị phạt tù nhưng sau khi ra tù anh không hề thay đổi mà càng lún sâu vào con đường nghiện ngập khiến cho kinh tế gia đình kiệt quệ, tài sản, đất đai hiện nay cũng đã bán hết không còn gì. Nay chị xác định tình cảm không còn,

không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Ma Bảo M, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Ma Minh K, sinh ngày 22/01/2016. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2022 anh Ma Duy T trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị H như chị Hạnh trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh T xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2017. Nguyên nhân do vào thời điểm đó anh phải chấp hành án phạt tù, sau khi ra tù anh có về đầu tư làm ăn chăn nuôi lợn nhưng thua lỗ mới dẫn đến việc chị H làm đơn xin ly hôn. Anh thừa nhận anh có sử dụng ma túy nhưng thời điểm hiện tại anh đã giảm liều lượng và đang có đơn xin cai nghiện tại nhà. Quan điểm của anh T là tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Ma Bảo M, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Ma Minh K, sinh ngày 22/01/2016. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Ma Duy T. Giao cháu Ma Bảo M, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Ma Minh K, sinh ngày 22/01/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Duy T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H và anh T đều xác định không có nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ phần án phí, anh Ma Duy T không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị H và anh Ma Duy T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị H và anh Ma Duy T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Trần Thị H và anh Ma Duy T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị H và anh T xác định: Chị H và anh T kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn mà thường xuyên chơi bời, bản thân anh T còn là đối tượng nghiện ma túy đang được theo dõi tại địa phương. Vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không còn đi lại, quan tâm, chăm sóc đến nhau. Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tâm cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Trần Thị H có quan điểm muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ma Duy T không nhất trí giao con cho chị H nuôi dưỡng, anh cũng đề nghị được quyền nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Ma Bảo M, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Ma Minh K, sinh ngày 22/01/2016. Theo chính quyền địa phương nên giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Bản thân chị H làm công nhân có mức thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đồng/1 tháng. Anh T ở tại địa phương là người không có công ăn việc làm ổn định, anh lại là người nghiện ma túy do đó không có đủ khả năng để nuôi con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên đối với cháu Ma Bảo M cháu có thể hiện nguyện vọng muốn được ở với chị H. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ma Bảo M, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Ma Minh K, sinh ngày 22/01/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ma Duy T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Ma Duy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Ma Duy T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ma Bảo M, sinh ngày 29/9/2012 và cháu Ma Minh K, sinh ngày 22/01/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002227 ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ma Duy T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

